

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST

Ngày 31/10/2019

V/v: Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hà Văn Vinh**

Các hội thẩm nhân dân: 1- **Ông Nguyễn Xuân Hoàng**

2- **Ông Nguyễn Ngọc Trứ**

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan- thư ký Tòa án

Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - KSV

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N**, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Xóm C L, thôn Đ Đ, xã D T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn: Anh La Văn H**, sinh năm 1979. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm V Q, thôn D T2, xã D T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa nhân đơn ngày 08/5/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Bùi Thị N trình bày: Chị và anh H được hai gia đình tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương từ đầu năm 2010 trước khi kết hôn có tìm hiểu thỏa thuận nhưng đến ngày 06 tháng 4 năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Danh Thắng. Sau khi kết hôn chị về gia đình anh làm dâu ngay và ở chung với gia đình. Tình cảm vợ chồng lúc đầu bình thường hạnh phúc được 4 năm sau đó xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc anh không lo kinh tế cho gia đình, thường xuyên đánh đập vợ con cho nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhất là từ khi chị nghi anh nghiện ma túy cho nên tháng 11 năm 2014 chị đã về nhà mẹ đẻ sau đó chị đi dài loan lao động. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Từ khi chị về nhà mẹ đẻ cho đến nay anh không sang gọi chị về để vợ chồng đoàn tụ và không quan tâm đến chị, vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và đề nghị được ly hôn.

. Về con chung; chị N xác định chị và anh H có 2 con chung La Thị Khánh L sinh ngày 02/9/2010, La Đức L sinh ngày 28/10/2012 hiện đang ở với chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con vì anh H không công ăn việc làm không có thu nhập.

Về tài sản; Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành các thủ tục giao thông báo thụ lý, thông báo việc tiếp cận và công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải nhiều lần nhưng anh H vẫn không có mặt và cũng không viết bản tự khai, không khai báo và không cung cấp chứng cứ cho tòa án, không đến Tòa án để làm việc. Người thân của anh Huy cũng đã thông báo với anh H nhiều lần về việc Tòa án đã thụ lý giải quyết việc chị N có đơn xin ly hôn anh H và yêu cầu giải quyết về con chung nhưng anh H vẫn không đến tòa án để viết bản tự khai, công khai chứng cứ và hòa giải.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa phát biểu; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật và đề nghị; Chấp nhận yêu cầu của chị N. Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 1 điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016. Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Nam: Chị Bùi Thị N được ly hôn anh La Văn H. Giao chị N trực tiếp nuôi chung La Thị Khánh L sinh ngày 02/9/2010, La Đức L sinh ngày 28/10/2012 anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H được quyền đi lại thăm nom.

*Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng; Chị N và anh H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị Nam có đơn xin ly hôn anh Huy đề ngày 29/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa nhận đơn ngày 08/5/2019 như vậy được xác định quan hệ tranh chấp giữa chị N và anh H là tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét việc anh H vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành giao các thủ tục giao thông báo thụ lý, thông báo việc tiếp cận và công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải nhiều lần nhưng anh H vẫn không có mặt và cũng không viết bản tự khai, không cung cấp chứng cứ cho tòa án, không đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã giao giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho anh H nhiều lần nhưng anh H vẫn vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Huy là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Huy được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị N thấy rằng qua các chứng cứ do chị N xuất trình lời khai người làm chứng được biết, vợ chồng chị N, anh H kết hôn với nhau và đã có thời gian sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng không duy trì và phát triển được nên đã xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc chị cho rằng do anh H không quan tâm đến vợ con nhất là từ khi anh nghiên ma túy vợ chồng hay cãi chửi nhau. Năm 2014 chị đã về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay anh không sang gọi chị về để vợ chồng đoàn tụ, vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm từ năm 2014 cho đến nay không bên nào quan tâm đến bên nào hơn nữa sau khi chị N có đơn xin ly hôn tòa án đã triệu tập anh H để hòa giải nhiều lần nhưng anh H vẫn vắng mặt thể hiện anh H không thiết tha cuộc sống vợ chồng với chị N. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị N cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Qua các chứng cứ do chị N xuất trình lời khai người làm chứng được biết, vợ chồng chị N anh H có 02 con chung hiện đang ở với chị các cháu vẫn phát triển bình thường, anh H thường không có nhà hơn nữa lại không có công ăn việc làm, không quan tâm đến con, chị N hiện đang ở với bố mẹ để có đủ điều kiện nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ xét thấy cần giao La Thị Khánh L sinh ngày 02/9/2010, La Đức L sinh ngày 28/10/2012 cho chị N nuôi là phù hợp với điều 58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình cho nên yêu cầu của chị N cần được chấp nhận. Xét chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, ruộng đất: chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm .

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, đề nghị áp dụng điều luật, đường lối giải quyết là phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

Vì lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào các Điều 51, 56, điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 2 điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N.

* Về hôn nhân: Chị Bùi Thị N được ly hôn anh La Văn H

* Về con chung: Giao chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi La Thị Khánh L sinh ngày 02/9/2010, La Đức L sinh ngày 28/10/2012 anh La Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu. Anh H được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

* Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/ 0000257 ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

* Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- THADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Danh Thắng
- Đương sự
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Văn Vinh